

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**PHAN THỊ MINH HUYỀN**

**KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN IN  
SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT**

**Chuyên ngành: Kế toán**

**Mã số: 60.34.30**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng - Năm 2013**

**Công trình được hoàn thành tại  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học : **PGS.TS. Nguyễn Công Phương**

Phản biện 1: TS. Đoàn Thị Ngọc Trai

Phản biện 2: GS. Ts. Nguyễn Quang Quỳnh

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 14 tháng 03 năm 2013.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng

Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Công ty cổ phần in sách giáo khoa Hòa Phát bước đầu đã nhận thức được tầm quan trọng của kế toán quản trị chi phí trong quá trình quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Thể hiện trước tiên là công ty phân loại chi phí theo khoản mục chứ không phải theo cách ứng xử chi phí - một đặc trưng của kế toán quản trị chi phí- điều này dẫn đến những khó khăn trong khâu cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác để quản trị chi phí hiệu quả. Chính vì công ty lựa chọn cách thức phân loại chi phí như thế dẫn đến khâu lập dự toán cũng chỉ dừng lại ở dự toán “tĩnh”, chưa thể hiện được sự vận động của chi phí khi mức độ hoạt động thay đổi. Điều này chưa đáp ứng được thông tin cho nhà quản trị trong việc đưa ra các quyết định phù hợp với những diễn biến phức tạp của thị trường khi có sự thay đổi về quy mô sản xuất, khả năng gia tăng đơn đặt hàng nếu có sự thay đổi về giá sản phẩm.

Bên cạnh đó báo cáo sử dụng chủ yếu cung cấp thông tin cho kế toán tài chính chứ chưa thực hiện được vai trò cung cấp thông tin cho việc quản trị chi phí, các báo cáo chỉ thể hiện phần tổng chênh lệch giữa kế hoạch và thực tế chứ chưa chỉ ra được nguyên nhân của sự biến động chi phí là do những nhân tố nào, do nhân tố lượng, hay là do nhân tố giá để nhà quản trị có những phương án, quyết định phù hợp trong những tình huống khác nhau của thị trường nhằm mục đích quản trị.

Xuất phát từ yêu cầu và sự cần thiết trên, tác giả chọn đề tài “*Kế toán quản trị chi phí tại công ty cổ phần in sách giáo khoa Hòa Phát*” làm luận văn tốt nghiệp.

### 2. Mục tiêu

Cùng với việc hệ thống hóa các lý luận chung về KTQT, luận

văn sẽ phân tích, đánh giá công tác KTQT chi phí ở Công ty Cổ phần in sách giáo khoa Hòa Phát. Qua đó, đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác KTQT chi phí phù hợp với đặc thù của Công ty trong cơ chế thị trường.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu về KTQT chi phí trong doanh nghiệp sản xuất.

- Phạm vi nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu tại Công ty Cổ phần in sách giáo khoa Hòa Phát, số liệu minh họa được thu thập trong khoảng thời gian từ năm 2010 – 2011

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn sử dụng phương pháp phân tích điển giải một trường hợp cụ thể nhằm đánh giá kế toán quản trị chi phí. Ngoài ra, luận văn còn sử dụng các phương pháp phân tích định tính nhằm đề xuất các ý kiến liên quan kế toán quản trị chi phí tại trường hợp nghiên cứu.

### **5. Cấu trúc luận văn gồm có 3 phần chính**

**Chương 1** - Cơ sở lí thuyết về kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp.

**Chương 2** - Thực trạng kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần in sách giáo khoa Hòa Phát.

**Chương 3** – Giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại công ty cổ phần in sách giáo khoa Hòa Phát.

### **6. Tổng quan đề tài nghiên cứu**

Đã có nhiều tác giả đã quan tâm và nhận thấy được sự tất yếu cần phải xây dựng mô hình kế toán có sự hiện hữu của KTQT, mà cụ thể là KTQT chi phí. Các công trình nghiên cứu của các tác giả đã đạt được những thành công nhất định. Luận văn của các tác giả đưa ra được những lý luận thuyết về KTQT chi phí, thực trạng KTQT chi phí tại địa bàn nghiên cứu, những ưu điểm, những tồn tại và đề xuất

các giải pháp hoàn thiện KTQT chi phí mà các tác giả đã nghiên cứu.

Trên cơ sở kế thừa cơ sở lý luận về KTQT chi phí của các nghiên cứu, cùng với khảo sát thực trạng KTQT chi phí tại công ty cổ phần in sách giáo khoa Hòa Phát, tác giả đã đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện KTQT chi phí tại công ty.

## **CHƯƠNG 1**

### **CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP**

#### **1.1. KHÁI NIỆM, BẢN CHẤT VÀ VAI TRÒ CỦA KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ**

##### **1.1.1. Khái niệm kế toán quản trị chi phí**

*Kế toán quản trị chi phí là một bộ phận của kế toán quản trị chuyên thực hiện việc xử lý và cung cấp các thông tin về chi phí để mỗi tổ chức thực hiện chức năng quản trị yếu tố nguồn lực tiêu dùng cho các hoạt động, nhằm xây dựng kế hoạch, kiểm soát, đánh giá hoạt động và ra các quyết định hợp lý. [5, tr. 97]*

##### **1.1.2. Bản chất của kế toán quản trị chi phí**

- KTQT chi phí không chỉ thu thập và cung cấp thông tin quá khứ mà còn thu thập, xử lý và cung cấp thông tin hiện tại, hướng về tương lai phục vụ cho việc lập dự toán.

- KTQT chi phí quan tâm đến các chi phí thực tế phát sinh theo loại chi phí, tổng mức chi phí và chi tiết theo từng mặt hàng.

- Khi có sự biến động chi phí, trách nhiệm giải thích về những thay đổi bất lợi thuộc bộ phận nào KTQT chi phí phải theo dõi và báo cáo rõ ràng phục vụ cho quá trình kiểm soát, điều chỉnh của nhà quản lý.

## 1.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ GẮN VỚI KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

### 1.2.1. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động

*Chi phí sản xuất:* là toàn bộ chi phí có liên quan đến việc chế tạo sản phẩm trong một kỳ kinh doanh nhất định, chi phí sản xuất bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sản xuất chung

*Chi phí ngoài sản xuất gồm:* [10, tr. 21]

- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp

**1.2.2. Phân loại chi phí theo mối quan hệ giữa chi phí với lợi nhuận xác định từng kỳ** [10, tr. 21-22]

*Chi phí sản phẩm*

*Chi phí thời kỳ*

### 1.2.3. Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí

*Biến phí:* Biến phí là những chi phí nếu xét về tổng số sẽ thay đổi tỷ lệ thuận với số lượng sản phẩm tạo ra.

*Định phí:* Định phí là những khoản chi phí không thay đổi về tổng số trong một thời gian nhất định khi có sự thay đổi của số lượng sản phẩm tạo ra, nhưng nếu xét trên một đơn vị sản phẩm thì tỷ lệ nghịch với sản lượng.

*Chi phí hỗn hợp:* Chi phí hỗn hợp là chi phí bao gồm cả biến phí và định phí. Ở mức độ hoạt động nào đó, chi phí hỗn hợp mang đặc điểm của định phí và khi mức độ hoạt động tăng lên, chi phí hỗn hợp sẽ biến đổi như đặc điểm của biến phí, phản ánh chi phí thực tế sử dụng hoặc sử dụng quá định mức.

#### 1.2.4. Các cách phân loại chi phí nhằm ra quyết định

- a. *Chi phí trực tiếp - Chi phí gián tiếp*
- b. *Chi phí kiểm soát được – chi phí không kiểm soát được*
- c. *Chi phí tránh được và chi phí không tránh được*
- d. *Chi phí chênh lệch*
- e. *Chi phí chìm*
- f. *Chi phí cơ hội*

### 1.3. NỘI DUNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP

#### 1.3.1. Dự toán chi phí trong doanh nghiệp

Dự toán là những tính toán dự kiến một cách toàn diện và phối hợp, làm căn cứ để huy động nguồn lực kinh doanh, được xác định bằng một hệ thống các chỉ tiêu về số lượng và giá trị cho một khoảng thời gian xác định trong tương lai.

##### a. *Dự toán sản xuất*

Dự toán sản xuất nhằm xác định số lượng, chủng loại sản phẩm sản xuất trong kỳ đến. [10, tr. 107].

$$\text{Số lượng SPSX} = \frac{\text{Nhu cầu sản phẩm}}{\text{phẩm tồn kho}} + \frac{\text{Số sản phẩm tiêu thụ}}{\text{tiêu thụ}} - \frac{\text{Số SP tồn đầu kì}}{\text{theo dự toán}} \quad (1.1)$$

##### b. *Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*

Dự toán CPNVLTT là dự kiến số lượng và định mức nguyên liệu vật liệu sử dụng trong kỳ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.[8, tr. 109].

##### c. *Dự toán chi phí nhân công trực tiếp*

Dự toán nhằm duy trì lực lượng lao động vừa đủ đáp ứng yêu cầu sản xuất. Căn cứ lập dự toán là: sản lượng sản xuất dự toán, định mức lao động trực tiếp bao gồm định mức thời gian lao động trực

tiếp và định mức giá của một giờ lao động trực tiếp để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.

***d. Dự toán chi phí sản xuất chung***

Chi phí sản xuất chung bao gồm cả yếu tố chi phí biến đổi và chi phí cố định, nên dự toán chi phí sản xuất chung phải tính đến cách ứng xử chi phí để xây dựng mức phí dự toán hợp lý trong kỳ. [10, tr. 113]

***e. Dự toán giá vốn hàng bán***

Dự toán giá vốn hàng bán dựa trên cơ sở số lượng sản phẩm sản xuất theo dự toán, giá thành dự toán, số lượng sản phẩm dự trữ dự toán cuối kỳ. [8, tr. 114]

***f. Dự toán Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp***

CPBH&QLDN cũng gồm hai bộ phận khả biến và bất biến, do đó lập dự toán đối với hai khoản chi phí này cũng giống như đối với CPSXC [8, tr. 241]

***g. Dự toán chi phí tài chính***

***h. Dự toán chi phí linh hoạt***

Dự toán tĩnh không phù hợp với việc phân tích và kiểm soát chi phí, nhất là CPSXC, vì mức hoạt động thực tế thường có sự khác biệt so với dự toán. Vì vậy, cần xây dựng dự toán linh hoạt như sau:

***Bước 1:*** Xác định phạm vi phù hợp cho đối tượng được lập dự toán.

***Bước 2:*** Xác định ứng xử của chi phí.

***Bước 3:*** Xác định biến phí đơn vị dự toán.

***Bước 4:*** Xây dựng dự toán linh hoạt, cụ thể:

- *Đối với biến phí*

$$\begin{array}{l} \text{Tổng biến phí đã} \\ \text{được điều chỉnh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Biến phí đơn} \\ \text{vị dự toán} \end{array} * \begin{array}{l} \text{Mức hoạt} \\ \text{động thực tế} \end{array} \quad (1.11)$$

- *Đối với định phí:* định phí không thay đổi vì doanh nghiệp vẫn trong phạm vi hoạt động liên quan. [10, tr. 128].



### **1.3.2. Tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp**

#### ***a. Đối tượng tập hợp chi phí***

Xác định đối tượng tập hợp chi phí thực chất là xác định giới hạn các bộ phận chịu chi phí hoặc các đối tượng chịu chi phí làm cơ sở cho việc tổ chức tập hợp chi phí phục vụ tính giá thành.

#### ***b. Đối tượng tính giá thành***

Đối tượng tính giá thành là kết quả của quá trình sản xuất cần được tính giá thành để phục vụ các yêu cầu của quản lý. Đối tượng tính giá thành có thể là sản phẩm, bán thành phẩm, công việc hoàn thành qua quá trình sản xuất.[10, tr. 46].

#### ***c. Phương pháp tập hợp chi phí .[2, tr. 7]***

*Phương pháp trực tiếp*

*Phương pháp phân bổ*

#### ***d. Tính giá thành phẩm***

*Tính giá thành theo phương pháp toàn bộ*

Phương pháp tính giá toàn bộ là phương pháp mà toàn bộ chi phí liên quan đến quá trình sản xuất sản phẩm tại nơi sản xuất được tính vào giá thành sản phẩm hoàn thành. [10, tr. 46]. Theo phương pháp này giá thành sản phẩm được tính như sau :

$$\text{Giá thành SP} = \text{CPNVLTT} + \text{CPNCTTT} + \text{CPSXC} \quad (1.12)$$

*Tính giá thành theo phương pháp trực tiếp*

Tính giá thành theo phương pháp trực tiếp là phương pháp mà theo đó chỉ có chi phí sản xuất biến đổi liên quan đến sản xuất sản phẩm. [10, tr. 71].

$$\text{Giá thành} = \text{CPNVLTT} + \text{CPNCTT} + \text{Biến phí} \quad (1.13)$$

### 1.3.3. Kế toán chi phí ngoài sản xuất

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí phát sinh liên quan đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Do đó, cuối kỳ các khoản chi phí này sẽ được tính toán, phân bổ, kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh hợp lý.

### 1.3.4. Phân tích biến động chi phí phục vụ kiểm soát chi phí

#### a. Biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Biến động CPNVLTT có thể được kiểm soát gắn liền với biến động nhân tố giá và lượng liên quan. [10, tr. 148]

##### *Phân tích biến động giá*

$$\begin{array}{l} \text{Ảnh hưởng về} \\ \text{giá đến biến động} \\ \text{NVLTT} \end{array} = \left( \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{NVLTT} \\ \text{t.té} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{NVLTT} \\ \text{d.toán} \end{array} \right) * \begin{array}{l} \text{Lượng} \\ \text{NVLTT} \\ \text{t.té} \end{array} \quad (1.14)$$

##### *Phân tích biến động lượng*

$$\begin{array}{l} \text{Ảnh hưởng về} \\ \text{lượng đến biến động} \\ \text{NVLTT} \end{array} = \left( \begin{array}{l} \text{NVLTT} \\ \text{t.té sử} \\ \text{dụng} \end{array} - \begin{array}{l} \text{NVLTT} \\ \text{d.toán} \\ \text{sử dụng} \end{array} \right) * \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{dự toán} \end{array} \quad (1.15)$$

#### b. Biến động chi phí nhân công trực tiếp

Biến động của CPNCTT gắn liền với các nhân tố giá và lượng.

##### *Biến động nhân tố giá:*

$$\begin{array}{l} \text{Ảnh hưởng của} \\ \text{nhân tố giá} \end{array} = \left( \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{Thực tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{dự toán} \end{array} \right) * \begin{array}{l} \text{Thời gian lao} \\ \text{động thực tế} \end{array} \quad (1.16)$$

##### *Biến động nhân tố lượng:*

$$\begin{array}{l} \text{Ảnh hưởng} \\ \text{của TGLĐ} \end{array} = \left( \begin{array}{l} \text{TGLĐ} \\ \text{thực tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{TGLĐ} \\ \text{dự toán} \end{array} \right) * \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{dự toán} \end{array} \quad (1.17)$$

### ***c. Biến động chi phí sản xuất chung***

Chi phí sản xuất chung biến động là do sự biến động biến phí sản xuất chung và biến động của định phí sản xuất chung:

$$\text{Biến động chi phí sản xuất chung} = \text{Biến động định phí SXC} + \text{Biến động biến phí SXC}$$

*Biến động biến phí sản xuất chung* [10, tr. 154]

Biến động của biến phí sản xuất chung cũng được phân tích thành ảnh hưởng của nhân tố giá và nhân tố lượng như đối với CPNVLTT và CPNCTT.

*Biến động định phí sản xuất chung*

$$\text{Biến động định phí sản xuất chung} = \text{Định phí SXC thực tế} - \text{Định phí SXC dự toán} \quad (1.21)$$

### ***d. Biến động chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp***

Tương tự kiểm soát chi phí sản xuất chung, biến động CPBH&QLDN là do sự biến động của biến phí và định phí.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Trong chương này của luận văn phần lớn đã trình bày những vấn đề lý luận về kế toán quản trị chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất. Nghiên cứu về khái niệm và bản chất của kế toán quản trị và kế toán quản trị chi phí, nội dung kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp. Đây là cơ sở lý luận cho việc phản ánh thực tế về kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần in sách giáo khoa Hòa Phát. Từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần in sách giáo khoa Hòa Phát.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT

#### 2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT

##### 2.1.1. Đặc điểm tổ chức quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh

a. *Tổ chức bộ máy quản lí*

b. *Đặc điểm tổ chức sản xuất*

c. *Đặc điểm sản phẩm*

d. *Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất*

##### 2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và hình thức kế toán

a. *Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán*

b. *Chức năng và nhiệm vụ các phần hành kế toán*

#### 2.2. ĐẶC ĐIỂM KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT

##### 2.2.1. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh theo khoản mục

Công ty phân loại chi phí theo khoản mục chi phí. Gồm có:

- *Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*: Giấy in: Có hơn 70 loại giấy như: giấy Bãi Bằng 58g/m<sup>2</sup> (79×109), giấy Đài Loan 60g/ m<sup>2</sup> (84×123), Giấy Tân Mai, giấy Đồng Nai, giấy Vĩnh Phú...

Mực in: Gồm nhiều loại như mực nhũ bạc, mực phát quang, mực xanh tím Tân Bình, mực vàng Trung Quốc, mực đỏ ánh sen của Nhật Bản, Trung Quốc..

- *Chi phí nhân công trực tiếp*: gồm các khoản lương chính, lương phụ của công nhân trực tiếp sản xuất cùng với các khoản trích theo tỷ lệ quy định cho các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN. Các khoản phụ cấp: phụ cấp làm đêm, thêm giờ, phụ cấp chức vụ.

- *Chi phí sản xuất chung*: bao gồm tiền lương nhân viên quản lí phân xưởng, chi phí vật liệu, chi phí công cụ dụng cụ, phụ tùng thay thế, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí điện nước, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác phát sinh tại phân xưởng...

- *Chi phí bán hàng*: chi phí bốc xếp, chi phí giao dịch, hội nghị... Vì hoạt động bán hàng của công ty có quy mô nhỏ nên chiếm tỷ trọng không đáng kể.

- *Chi phí quản lí doanh nghiệp*: Tiền lương và khoản trích theo lương của nhân viên quản lí, chi phí ăn ca, khấu hao tài sản cố định ở bộ phận quản lí doanh nghiệp, chi phí điện, điện thoại, internet, công tác phí, chi phí công cụ dụng cụ phục vụ cho bộ phận quản lí, chi phí khác như hợp hành, công tác phí...

### **2.2.2. Công tác lập dự toán chi phí**

#### **a. Dự toán thành phẩm**

Dự toán thành phẩm thể hiện mục tiêu về sản lượng trang in mà công ty phấn đấu hoàn thành trong kì tới. Dự toán thành phẩm tại công ty được lập dựa trên một số căn cứ như sau: khách hàng, các đối tác, năng lực thực tế của công ty như năng lực về vốn, nhân lực, trình độ và kỹ thuật máy móc thiết bị hiện có, nhu cầu thị trường theo các nghiên cứu về chiến lược thị trường.

#### **b. Dự toán nguyên vật liệu trực tiếp**

Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp xác định lượng nguyên vật liệu cần thiết để đáp ứng mục tiêu về sản lượng trang in và một lượng dự trữ cần thiết để phòng trường hợp thiếu hàng. Đồng thời, đây là cơ sở để bộ phận thu mua có kế hoạch tìm nguồn cung nguyên vật liệu, đáp ứng cho quá trình in ấn đúng tiến độ và phục vụ cho công tác lập kế hoạch giá thành tại công ty.

### ***c. Dự toán chi phí nhân công trực tiếp***

Dự toán chi phí nhân công trực tiếp thể hiện những khoản chi phí về lương mà công ty phải trả cho bộ phận trực tiếp sản xuất, giúp công ty chủ động được nguồn tài chính. Thông qua dự toán, nhà quản trị có kế hoạch trong việc sử dụng, điều chỉnh lao động, về đào tạo và tuyển dụng đảm bảo lực lượng lao động hiện tại của công ty có thể đáp ứng được mục tiêu về sản lượng trang in đã đề ra.

### ***d. Dự toán chi phí sản xuất chung***

Thông qua dự toán chi phí sản xuất chung, nhà quản trị có kế hoạch về tài chính phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm được diễn ra liên tục, đồng thời có thể kiểm tra đánh giá tình hình sử dụng chi phí sản xuất chung, phát hiện những khả năng tiết kiệm chi phí, thúc đẩy cải tiến biện pháp quản lý KD.

### ***e. Dự toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp***

Với đặc điểm sản xuất theo thời vụ, thị trường tiêu thụ của công ty không lớn lắm. Do đó, các khoản chi phí bán hàng tương đối nhỏ và được dự toán chung với chi phí quản lý doanh nghiệp

## **2.2.3. Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành**

### ***a. Đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành***

Quy trình công nghệ in tại công ty là quy trình phức tạp, việc sản xuất chủ yếu dựa vào các hợp đồng in ấn với khách hàng nên chủng loại đa dạng, chu kỳ sản xuất ngắn và xen kẽ. Trong cùng một kỳ, công ty có thể sản xuất nhiều loại sản phẩm theo các đơn đặt hàng khác nhau. Xuất phát từ các đặc điểm đó, đối tượng tập hợp chi phí được xác định là các đơn đặt hàng, đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành của đơn đặt hàng.

### ***b. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất***

Đối với chi phí trực tiếp phát sinh trong tháng có liên quan đến đơn đặt hàng nào thì hạch toán trực tiếp cho đơn đặt hàng đó. Đối

với chi phí phát sinh liên quan đến nhiều đơn đặt hàng, sau khi tập hợp xong sẽ phân bổ cho từng đơn hàng theo tiêu thức thích hợp.

*Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*

Để tập hợp CPNVLTT, kế toán chi phí sử dụng TK 621, chi tiết theo từng phân xưởng và chi tiết cho từng đơn đặt hàng.

CPNVLTT dựa theo định mức. Định mức tiêu hao nguyên vật liệu do phòng kỹ thuật xác định. Phòng kinh doanh căn cứ vào hợp đồng kinh tế, tính toán cụ thể lượng nguyên vật liệu cần thiết dựa trên định mức tiêu hao nguyên vật liệu và lệnh sản xuất cho bộ phận sản xuất kèm phiếu xuất vật tư cho từng hợp đồng trình phó giám đốc phụ trách ký duyệt. Công nhân đến kho nhận nguyên vật liệu dùng cho sản xuất. Cho nên, CPNVLTT phát sinh cho đơn hàng nào thì được tập hợp trực tiếp cho đơn hàng ấy, không phải sử dụng phương pháp phân bổ.

*Kế toán chi phí nhân công trực tiếp*

CPNCTT tại công ty được theo dõi trên TK622. Cũng như CPNVLTT, CPNCTT cũng được chi tiết theo từng phân xưởng và theo từng đơn đặt hàng.

Việc tính lương sản phẩm được căn cứ vào lệnh điều độ sản xuất. Lệnh điều độ sản xuất được phòng kinh doanh lập riêng cho từng ĐDH, và cho từng giai đoạn công nghệ trong phân xưởng sản xuất mà sản phẩm bắt buộc phải trải qua.

Ngoài ra, có rất nhiều khoản phụ cấp như: phụ cấp tăng ca, phụ cấp độc hại, nguy hiểm... được tính và trả phù hợp với tính chất từng công việc.

*Kế toán chi phí sản xuất chung*

CPSX phát sinh liên quan đến nhiều đơn hàng, không thể tập hợp ngay khi phát sinh chi phí. Cuối tháng, toàn bộ chi phí sẽ được tổng hợp và phân bổ cho từng đơn hàng.

### *Đánh giá sản phẩm dở dang*

Do công ty có đặc điểm tổ chức sản xuất theo đơn đặt hàng, nên khi kết thúc kỳ hạch toán, những đơn đặt hàng nào chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp đã tập hợp chi tiết theo đơn đó ở TK 621 sẽ được coi là chi phí sản xuất của sản phẩm làm dở chuyển kỳ sau, nghĩa là giá trị sản phẩm làm dở được đánh giá theo khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

### *Phương pháp tính giá thành*

\* *Đối với đơn đặt hàng có một loại sản phẩm:*

$$\text{Giá thành sản phẩm} = \frac{\text{Tổng giá thành ĐĐH}}{\text{Số sản phẩm hoàn thành}} \quad (2.12)$$

\* *Đối với đơn đặt hàng bao gồm nhiều loại sản phẩm*

*Bước 1:* *Xác định tổng giá thành thực tế theo khoản mục chi phí*

*Bước 2:* *Xác định tổng giá thành theo đơn vị kế hoạch của nhóm sản phẩm*

$$\text{Tổng giá thành kế hoạch ĐH} = \sum \left( \begin{array}{l} \text{Số lượng SP} \\ \text{loại } i \end{array} * \begin{array}{l} \text{Giá thành đơn vị KH} \\ \text{của sản phẩm loại } i \end{array} \right) \quad (2.13)$$

*Bước 3:* *Xác định giá thành thực tế của từng loại sản phẩm theo khoản mục chi phí*

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá} \\ \text{thành thực tế} \\ \text{theo khoản} \\ \text{mục SP } i \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành thực tế} \\ \text{theo khoản mục nhóm SP} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành theo kế hoạch} \\ \text{khoản mục nhóm SP} \end{array}} * \begin{array}{l} \text{Giá thành kế} \\ \text{hoạch theo} \\ \text{khoản mục} \\ \text{của SP loại } i \end{array} \quad (2.14)$$

*Bước 4:* *Xác định giá thành thực tế của từng loại sản phẩm theo công thức*

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế đơn vị} \\ \text{SP } i \text{ theo khoản mục} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành thực tế theo khoản mục} \\ \text{theo khoản mục} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm loại } i \end{array}} \quad (2.15)$$



#### **2.2.4. Kế toán chi phí ngoài sản xuất**

Do công ty có quy mô bán hàng nhỏ, nên công ty chỉ sử dụng một tài khoản để phản ánh chung về CPBH&QLDN (TK642).

#### **2.2.5. Công tác kiểm soát chi phí tại công ty**

##### ***a. Kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp***

Công tác kiểm soát CPNVLTT được bắt đầu từ khâu mua hàng nhập kho, xuất kho phục vụ in ấn cho đến khâu hoàn thiện sản phẩm.

Các báo cáo nguyên vật liệu trực tiếp chủ yếu phục vụ công tác tính giá thành và xác định kết quả kinh doanh trong kì chứ chưa thực sự phục vụ cho công tác kiểm soát chi phí. Chưa phân tích nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng các nhân tố đơn giá và lượng vật liệu tiêu hao đến biến động chi phí vật tư.

##### ***b. Kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp***

Kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp là kiểm soát đơn giá lương, thời gian làm việc của người lao động thông qua bảng chấm công, kiểm soát năng suất lao động thông qua các báo cáo thực hiện bộ phận.

Tại công ty, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch CPNCTT đã được lập để so sánh thực tế với kế hoạch, nhằm phục vụ cho việc kiểm soát chi phí. Tuy nhiên, cũng như đối với CPNVLTT, công ty chưa thiết lập báo cáo phân tích mức độ ảnh hưởng của nhân tố thời gian hao phí và đơn giá giờ công đến sự biến động của chi phí lao động.

##### ***c. Kiểm soát chi phí sản xuất chung***

CPSXC là khoản chi phí rất khó kiểm soát. Đối với chi phí tiền lương nhân viên phân xưởng và chi phí vật liệu công cụ dụng cụ công ty kiểm soát tương như đối với CPNCTT và CPNVLTT

Đối với CPSXC, đến cuối năm bộ phận kế toán mới lập báo cáo tình hình thực hiện chi phí để so sánh với kế hoạch, nhằm xem

xét sự biến động của CPSXC, qua đó, có những đánh giá và tìm nguyên nhân.

#### ***d. Kiểm soát chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp***

Quy trình kiểm soát CPBH&QLDN tại công ty được thực hiện tương tự như đối với CPSXC và Báo cáo tình hình thực hiện CPBH&QLDN được lập vào cuối năm. Trong đó, chi phí bán hàng chủ yếu của công ty là chi phí đóng gói để bảo quản, chi phí vận chuyển, hoa hồng cho đối tác làm hợp đồng in & chi phí quản lý doanh nghiệp. Báo cáo là cơ sở đánh giá, phân tích tình hình thực hiện và lập kế hoạch cho năm tiếp theo nhưng chưa phân tích được nguyên nhân của sự biến động chi phí và trách nhiệm thuộc bộ phận nào.

### **2.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY**

Qua nghiên cứu, tác giả nhận thấy công tác kế toán quản trị chi phí tại công ty Cổ phần in sách giáo khoa Hòa Phát đã được chú trọng và được vận dụng nhằm giúp nhà quản trị điều hành tốt công tác quản lý công ty. Tuy nhiên, vẫn còn những tồn tại mà công ty cần phải khắc phục để hoàn thiện, nâng cao hơn hiệu quả hoạt động kinh doanh. Công tác kế toán quản trị chi phí tại Công ty có những ưu điểm và những tồn tại như sau:

#### **2.3.1. Phân loại chi phí**

Cách phân loại chi phí theo khoản mục và chi tiết các khoản mục chi phí đã đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin của kế toán tài chính. Tuy nhiên, công ty chưa quan tâm đến cách phân loại chi phí theo cách ứng xử để thấy được sự thay đổi của chi phí khi thay đổi mức độ hoạt động.

#### **2.3.2. Công tác dự toán**

Công tác lập dự toán chi phí tại công ty được tiến hành đầy đủ và khá chi tiết. Tuy nhiên, dự toán CPSXC, dự toán CPBH&QLDN

được lập dựa trên kinh nghiệm, số liệu các năm trước là chủ yếu nên ảnh hưởng đến tính chính xác của dự toán.

Ngoài ra, dự toán CPSXC, CPBH&QLDN tại công ty chưa dựa trên phương pháp phân chia chi phí thành biến phí và định phí, nên chưa tạo được cơ sở cho dự toán với tư cách là công cụ để kiểm soát các nội dung chi phí phát sinh, cũng như sự biến động của chi phí. Đồng thời, Công ty cũng chưa lập dự toán chi phí linh hoạt

### **2.3.3. Kế toán chi phí và tính giá thành tại công ty**

Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí hiện nay của công ty là phù hợp với đặc điểm sản xuất của Công ty. Tổ chức kế toán chi tiết chi phí tại công ty được tiến hành theo trình tự hợp lí. Hệ thống tài khoản được tổ chức tương đối chặt chẽ, chi tiết.

### **2.3.4. Công tác kiểm soát chi phí**

Công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại công ty tương đối chặt chẽ, có sự phân công phân nhiệm rõ ràng. Các báo cáo chi phí được lập theo chức năng hoạt động thể hiện các phí tổn tương xứng với chức năng hoạt động, cung cấp thông tin một cách công khai, khách quan và trung thực.

Tuy nhiên, các báo cáo thực hiện chỉ xác định tổng chênh lệch giữa kế hoạch với thực tế, chưa chỉ ra được nguyên nhân biến động của chi phí, và mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân đó đến sự biến động chi phí, chưa thực sự gắn trách nhiệm quản lí với yêu cầu kiểm soát chi phí.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Trong chương này luận văn khái quát tình hình tổ chức sản xuất kinh doanh cũng như thực trạng kế toán quản trị chi phí ở Công ty cổ phần in sách giáo khoa Hòa Phát. Công tác quản trị chi phí ở Công ty cổ phần in sách giáo khoa Hòa Phát được thể hiện qua phân loại chi phí, công tác lập dự toán, kiểm soát chi phí, các báo cáo về

chi phí sản xuất kinh doanh. Qua quá trình nghiên cứu, tác giả đánh giá ưu điểm và những mặt còn tồn tại trong công tác kế toán quản trị chi phí tại Công ty cổ phần in sách giáo khoa Hòa Phát.

### **CHƯƠNG 3**

#### **GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT**

##### **3.1. SỰ CẦN THIẾT HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT**

##### **3.2. NỘI DUNG HOÀN THIỆN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHI PHÍ TẠI CÔNG TY**

###### **3.2.1. Phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí**

Để phục vụ công tác kế toán quản trị như lập dự toán, kiểm soát và đánh giá hiệu quả sử dụng chi phí cũng như có được thông tin có giá trị làm cơ sở cho việc tổng hợp, lập báo cáo sử dụng cho hoạt động quản trị, công ty cần phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí.

###### **3.2.2. Hoàn thiện phương pháp tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành và báo cáo lãi lỗ**

Để khắc phục nhược điểm của phương pháp tính hiện nay tại công ty, tác giả cho rằng công ty cần bổ sung phương pháp tập hợp chi phí và tính giá thành theo phương pháp trực tiếp.

$$\text{Giá thành SP} = \text{CPNVLT} + \text{CPNCTT} + \text{Biến phí SX} \quad (3.2)$$

Ví dụ: Trong năm 2011, công ty tiên hành sản xuất theo đơn hàng với 653.920.000 trang in sách giáo khoa và mức tiêu thụ sản phẩm cũng là 653.920.000 trang in thành phẩm đã sản xuất được. Với giá bán là: 14,811 (đ/trang). Giả sử không có chi phí sản phẩm dở dang. Chi phí trong kì được tập hợp như sau:

Khoản mục	Số tiền
Sản lượng trang in thành phẩm	653.920.000
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	4.773.616.000
Chi phí nhân công trực tiếp	1.438.624.000
Biến phí sản xuất chung	771.257.027
Định phí sản xuất chung	891.361.324
Biến phí Bán hàng và quản lí doanh nghiệp	555.832.000
Định phí bán hàng và quản lí doanh nghiệp	954.723.200

Giá thành sản phẩm được tính theo phương pháp toàn bộ như sau:

$$(4.773.616.000+1.438.624.000+771.257.027+891.361.324)/653.920.000 = 12,04$$

Giá thành sản phẩm được tính theo phương pháp trực tiếp như sau:

$$(4.773.616.000+ 1.438.624.000 + 771.257.027)/ 653.920.000 = 10,68 \text{ (đ/trang)}.$$

### 3.2.3. Lập dự toán chi phí linh hoạt

Việc lập dự toán chi phí có ý nghĩa quan trọng vì dự toán là cơ sở định hướng và chỉ đạo mọi hoạt động kinh doanh cũng như phối hợp các chương trình hành động của các bộ phận. Công ty với đặc thù sản xuất theo ĐĐH thì dự toán linh hoạt càng trở nên quan trọng vì khi công ty có số lượng ĐĐH tăng lên đồng nghĩa là sản lượng trang in thành phẩm tăng lên thì dự toán được lập ở một mức sản lượng nhất định sẽ không phù hợp cho việc đánh giá và ra quyết định. Các bước tiến hành khi lập dự toán chi phí linh hoạt tại công ty như sau:

- Xác định phạm vi hoạt động trong kì kế hoạch là sản lượng trang in.

- Phân tích các chi phí phát sinh trong phạm vi hoạt động (sản lượng trang in thành phẩm) theo cách ứng xử chi phí.

- Tính biến phí đơn vị theo mức hoạt động kế hoạch

$$\text{Biến phí đơn vị kế hoạch} = \frac{\text{Tổng Biến phí kế hoạch}}{\text{Mức hoạt động kế hoạch}} \quad (3.3)$$

- Lập kế hoạch linh hoạt điều chỉnh mức độ hoạt động thực tế.

Khi đó:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng BP theo mức} \\ \text{hoạt động thực tế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức hoạt động} \\ \text{thực tế} \end{array} * \begin{array}{l} \text{Biến phí đơn vị} \\ \text{kế hoạch} \end{array} \quad (3.4)$$

### 3.2.4. Phương pháp tính giá thông dụng

Việc tính giá thành thực tế tiềm ẩn một hạn chế là tính kịp thời trong cung cấp thông tin. CPSXC thường chỉ được tập hợp đầy đủ vào cuối kỳ kế toán do chứng từ về các dịch vụ mua ngoài chưa về đến doanh nghiệp, nên việc phân bổ CPSXC theo từng đơn đặt hàng chỉ được tiến hành vào cuối tháng. Ngoài ra, nếu trong kỳ có một đơn hàng hoàn thành thì kế toán không thể cung cấp ngay thông tin về giá thành của đơn đặt hàng đó. Điều này ảnh hưởng đến những quyết định có tính tác nghiệp khi doanh nghiệp phải chào giá đầu thầu hay quyết định nhanh về chấp nhận các đơn chào hàng từ khách hàng. Vì vậy, công ty cần áp dụng phương pháp tính giá thông dụng. Khi có sản phẩm của đơn đặt hàng hoàn thành, kế toán tiến hành tạm phân bổ CPSXC dự tính cho lượng sản phẩm thực tế đã hoàn thành:

$$\text{Tỷ lệ phân bổ ước tính} = \frac{\text{Tổng CPSXC dự toán}}{\text{Tổng mức hoạt động dự toán}} \quad (3.5)$$

$$\begin{array}{l} \text{Mức CPSXC} \\ \text{tạm phân bổ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức hoạt động} \\ \text{thực tế} \end{array} * \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ phân bổ} \\ \text{ước tính} \end{array} \quad (3.6)$$

Khi đó, CPSXC được sử dụng để tính giá thành chỉ là CPSXC ước tính. Do đó đến cuối kỳ, khi đã xác định được CPSXC thực tế thì phải tiến hành xử lý chênh lệch giữa CPSXC thực tế và CPSXC tạm phân bổ. Trường hợp phân bổ thiếu, kế toán tiến hành điều chỉnh tăng phần CPSXC còn thiếu trên phiếu tính giá thành và tính lại giá

thành. Trường hợp phân bổ thừa kế toán sẽ điều chỉnh giảm (ghi âm) mức phân bổ thừa trên phiếu tính giá thành.

### **3.2.5. Hoàn thiện xây dựng chi phí nền làm cơ sở quyết định giá bán trong các tình huống khác nhau của công ty**

Với đặc điểm sản xuất mang tính thời vụ và ngày càng nhiều doanh nghiệp in ra đời, để nâng cao khả năng thắng thầu, tận dụng được năng lực sản xuất nhân rồi, công ty cần phải xây dựng chi phí nền làm cơ sở định giá bán linh hoạt trong các tình huống khác nhau.

Mô hình tổng quát là:

Giá bán = Chi phí nền + số tiền cộng thêm

- Chi phí nền bao gồm: Biến phí NVLTT, Biến phí NCTT, Biến phí SXC, biến phí BH&QLDN

- Số tiền cộng thêm: Định phí sản xuất, Định phí bán hàng, Định phí quản lý doanh nghiệp và lợi nhuận mong muốn

Số tiền tăng thêm = Chi phí nền \* tỷ lệ % số tiền cộng thêm

$$\text{Tỷ lệ \% số tiền cộng thêm} = \frac{\text{Tổng CP bất biến} + \text{Mức hoàn vốn hợp lý}}{\text{Tổng chi phí nền}} * 100\%$$

Công ty nhận được một đơn đặt hàng từ phí Công ty đầu tư và phát triển giáo dục Đà Nẵng với sản lượng trang in là 80 triệu trang với mức giá là 15,61 đ/trang. Ở mức độ hoạt động bình thường thì đơn giá bán cho 1 trang sách giáo khoa là 16,51 (đ/trang). Công ty có nên chấp nhận đơn hàng này hay không?

### **3.2.6. Hoàn thiện công tác lập báo cáo nhằm tăng cường kiểm soát chi phí**

Kiểm soát chi phí là hoạt động thiết yếu cho bất cứ công ty nào, hiểu được các loại chi phí, các nhân tố ảnh hưởng chi phí để kiểm soát được chi phí, từ đó có thể tiết kiệm được chi phí, vấn đề chi tiêu của công ty sẽ hiệu quả hơn.

***a. Hoàn thiện báo cáo kiểm soát về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp***

Thực tế tại công ty, các báo cáo chỉ mới phản ánh được tình hình sử dụng nguyên vật liệu, chưa thể hiện được nguyên nhân biến động của nguyên vật liệu. Do đó, chưa có cơ sở để gắn trách nhiệm với từng bộ phận sử dụng. Vì vậy, các báo cáo phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu cần được thiết lập, trên cơ sở đó tìm ra nguyên nhân và hướng khắc phục cụ thể.

Biến động chi phí vật liệu là chênh lệch giữa chi phí vật liệu trực tiếp thực tế phát sinh với chi phí vật liệu dự toán cho sản lượng thực tế. Biến động chi phí vật liệu được tách thành biến động mức tiêu hao vật liệu và biến động giá nguyên vật liệu. Để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến chi phí nguyên vật liệu trực tiếp ta có thể sử dụng phương pháp so sánh hoặc thay thế liên hoàn.

***b. Hoàn thiện báo cáo kiểm soát chi phí về nhân công trực tiếp***

Các báo cáo chi phí nhân công tại công ty chủ yếu nhằm mục đích phục vụ cho công tác tính lương, chưa đi vào phân tích và đánh giá được nguyên nhân sự biến động của chi phí này theo hướng có lợi hay bất lợi. Công ty nên xây dựng báo cáo phân tích biến động CPNCTT để đáp ứng yêu cầu trên.

Bảng phân tích CPNCTT cung cấp thông tin để đánh giá mức tăng hoặc giảm CPNCTT trong mối quan hệ với lượng sản phẩm sản xuất, qua đó, kiểm tra tính hợp lý của việc tuyển dụng và sử dụng lao động. Mặt khác, mức tăng giảm năng suất lao động được xem xét trong mối quan hệ với sự tăng giảm CPNCTT bình quân một lao động và tỷ trọng CPNCTT tính trên giá trị sản xuất đánh giá việc chi trả lương cho người lao động có hiệu quả so với kế hoạch không, có đảm bảo kết hợp lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của người lao động không.



### ***c. Hoàn thiện báo cáo kiểm soát chi phí sản xuất chung***

Thực tế chi phí phát sinh không chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí công in mà còn chi phí về điện, nước sản xuất, khấu hao TSCĐ... Để đánh giá CPSXC, công ty nên lập báo cáo phân tích biến động CPSXC chi tiết theo yếu tố chi phí trên cơ sở phân loại thành biến phí và định phí.

Thông qua báo cáo phân tích biến động chi phí này giúp cho nhà quản lý có cách nhìn cụ thể về tình hình biến động chi phí tại công ty, có thể so sánh được quy mô và tốc độ tăng, giảm của từng yếu tố chi phí ảnh hưởng tới khoản mục CPSXC như thế nào. Đồng thời, có các biện pháp kiểm soát CPSXC, góp phần làm giảm chi phí cho công ty.

### ***d. Hoàn thiện báo cáo kiểm soát chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp***

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là những chi phí ngoài sản xuất. Đặc điểm cơ bản của chi phí này tương tự chi phí sản xuất chung là chi phí phục vụ, quản lý hoạt động liên quan đến nhiều đối tượng, vì vậy quá trình phân tích được thực hiện tương tự như phân tích chi phí sản xuất chung.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Trong chương 3 tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán quản trị chi phí dựa trên nền tảng lý luận và thực tế. Các giải pháp này tập trung vào vấn đề tổ chức theo dõi, phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí, lập các báo cáo phân tích chi phí, lập các dự toán chi phí linh hoạt nhằm mục đích tăng cường kiểm soát chi phí nội bộ, phân tích biến động chi phí để chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng, nâng cao tính hữu ích của thông tin kế toán phục vụ cho hoạt động quản trị doanh nghiệp. Đồng thời, tác giả đề xuất ý kiến công ty nên áp dụng phương pháp tính giá thông dụng và xây

dựng chi phí nền phục vụ cho định giá bán sản phẩm nhằm nâng cao khả năng thắng thầu cho đơn vị.

### **KẾT LUẬN CHUNG**

Qua quá trình nghiên cứu lí luận về công tác quản trị chi phí và tìm hiểu nhu cầu thực tế về tổ chức KTQT tại công ty tác giả hoàn thành Luận văn “Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí tại công ty Cổ phần in sách giáo khoa Hòa Phát” với sự hướng dẫn tận tình của giáo viên hướng dẫn PGS. TS. Nguyễn Công Phương đã giải quyết được một số nội dung sau:

- Hệ thống hóa một cách khoa học những lí luận cơ bản của tổ chức kế toán quản trị chi phí trong doanh nghiệp sản xuất phục vụ hiệu quả cho quản trị nội bộ.

- Đánh giá thực trạng công tác kế toán quản trị chi phí tại công ty, những ưu điểm và những hạn chế trong công tác kế toán quản trị chi phí tại công ty cổ phần in sách giáo khoa Hòa Phát.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị chi phí tại công ty như: phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí, tính giá thành theo phương pháp trực tiếp nhằm cung cấp thông tin kịp thời cho việc ra quyết định của nhà quản trị; Định giá bán trong trường hợp năng lực sản xuất nhàn rỗi hay tính giá theo phương pháp thông dụng nhằm tăng khả năng thắng thầu cho công ty. Ngoài ra, xây dựng thêm các báo cáo phân tích biến động chi phí để tăng cường kiểm soát chi phí tại công ty.

Những giải pháp mà luận văn đưa ra xuất phát từ đặc thù tổ chức hoạt động kinh doanh của công ty nhằm mục đích phục vụ tốt hơn và nâng cao hiệu quả quản lí của công ty. Với những đề xuất này, tác giả hy vọng sẽ đóng góp phần nào cho công tác quản trị ra quyết định nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh cho công ty.